SAO Y; BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA LÒ GÒ - XA MÁT;
Thời gian ký: 2026-10-13T08:38:51+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA LÒ GÒ – XA MÁT
Số: 1278/BC-VQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 12 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 9999/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND Tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 508/TB-STC ngày 14/01/2026 của Sở Tài chính về Kiểm tra dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-VQG ngày 09/01/2026 của Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát về việc phân bổ dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 5559/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND Tỉnh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Ban Quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát;

Căn cứ Quyết định số 5934/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND Tỉnh về việc bổ sung kinh phí trợ cấp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 cho các Sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-VQG ngày 02/4/2026 của Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát về việc giao bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 513/QĐ-VQG ngày 16/4/2026 của Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát về việc giao bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2026;

Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

1. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026

1.1. Tổng dự toán giao năm 2026: 32.198,47 triệu đồng, cụ thể:

- Kinh phí chi hoạt động kinh tế: 30.904,47 triệu đồng

Trong đó:

+ Kinh phí thực hiện tự chủ: 9.557,50 triệu đồng

• Tự chủ nguồn 13: 7.339,50 triệu đồng

• Tự chủ nguồn 14: 2.218,00 triệu đồng

+ Kinh phí không thực hiện tự chủ: 21.346,97 triệu đồng

• Không tự chủ nguồn 12: 20.907,00 triệu đồng

• Không tự chủ nguồn 14: 19,00 triệu đồng

• Không tự chủ nguồn 14 (giao bổ sung - Kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ): 420,97 triệu đồng

- Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường: 750,00 triệu đồng

- Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73: 448,00 triệu đồng

- Kinh phí sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: 50,00 triệu đồng

- Kinh phí trợ cấp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 (giao bổ sung): 46 triệu đồng

1.2. Tổng chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026 là: 15.213,77 triệu đồng, cụ thể:

- Chi hoạt động kinh tế: 15.039,34 triệu đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí thực hiện tự chủ: 6.521,14 triệu đồng, đạt 68,23% so với kế hoạch.

• Tự chủ nguồn 13: 4.695,55 triệu đồng, đạt 63,98% so với kế hoạch.

• Tự chủ nguồn 14: 1.825,59 triệu đồng, đạt 82,31% so với kế hoạch.

+ Kinh phí không thực hiện tự chủ: 8.518,2 triệu đồng, đạt 39,9% so với kế hoạch.

• Không tự chủ nguồn 12: 8.092,64 triệu đồng, đạt 38,71% so với kế hoạch.

• Không tự chủ nguồn 14: 425,56 triệu đồng, đạt 96,72% so với kế hoạch.

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 107,53 triệu đồng, đạt 14,34% so với kế hoạch.

- Chi khen thưởng theo NĐ 73: 0 triệu đồng, đạt 0% so với kế hoạch.

- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: 20,9 triệu đồng, đạt 41,8% so với kế hoạch.

- Chi trợ cấp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026: 46 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

(Biểu chi tiết kèm theo)

2. Đánh giá

Nhìn chung, đơn vị đã thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026 đúng tiến độ theo dự toán được giao.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026 của Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA LÒ GÒ-XA MÁT

Lê Công Hiệu

Đơn vị: BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA LÒ GÒ - XA MÁT **Mẫu biểu số 75**
Chương: 599

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III (9 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí ...				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	***Chi sự nghiệp….***				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	**Chi quản lý hành chính**				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	***Lệ phí***				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí...				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**32.198,47**	**15.213,77**	**47,25%**	**111,49%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**32.198,47**	**15.213,77**	**47,25%**	**111,49%**

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III (9 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	**Chi quản lý hành chính**	**-**	**-**	**-**	**-**
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**-**	**-**	**-**	**-**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	-
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	-	-
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*				
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**50,00**	**20,90**	**41,80%**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50,00	20,90	41,80%	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**-**	**-**	**-**	**-**
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**494,00**	**46,00**	**9,31%**	**45,28%**
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Tết)	46,00	46,00	100,00%	45,28%
5.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (NĐ 73)	448,00		0,00%	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**30.904,47**	**15.039,34**	**48,66%**	**111,83%**
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.557,50	6.521,14	68,23%	118,41%
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Nguồn 13)	7.339,50	4.695,55	63,98%	85,26%
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Nguồn 14)	2.218,00	1.825,59	82,31%	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	21.346,97	8.518,20	39,90%	107,27%
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Nguồn 12)	20.907,00	8.092,64	38,71%	101,91%
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Nguồn 14)	439,97	425,56	96,72%	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**750,00**	**107,53**	**14,34%**	**112,11%**
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	750,00	107,53	14,34%	112,11%
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**-**	**-**		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**-**	**-**		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				

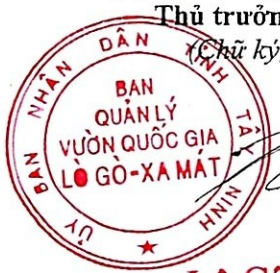
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III (9 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III (9 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 12 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Lê Công Hiệu